TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2018/KDTM-PT
Ngày: 24/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Bà Vũ Thị Thu Hà
Bà Nguyễn Thu Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1710/2017/KDTM-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2752/2017/QĐ-PT ngày 20/11/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 7307/2017/QĐ – PT ngày 25/12/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Trịnh Thụy N, sinh năm 1978
Địa chỉ: 29/5C đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu A (có mặt), sinh năm 1977, địa chỉ: 64/16 khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 012375/GUQ ngày 05/01/2015.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Quốc tế X.
Địa chỉ: Số 68 đường N, phường B, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Duy A (có mặt), sinh năm 1987, địa chỉ: Phòng 804, Tầng 8, Số 151 đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 01/2015/GUQ ngày 10/3/2015.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần D

Địa chỉ: Lầu 3A, 360A đường B, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy A (có mặt), sinh năm 1987, địa chỉ: Phòng 804, Tầng 8, Số 151 đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 01/2015/GUQ ngày 16/6/2015.

2. Công ty TNHH MTV Thiết kế B.

Địa chỉ: Số 68 đường N, phường B, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Duy A (có mặt), sinh năm 1987, địa chỉ: Phòng 804, Tầng 8, Số 151 đường N, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 01/2015/GUQ ngày 04/02/2015.

3. Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất - Xây dựng trang trí nội thất L.

Địa chỉ: 29/5 đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hữu A (có mặt), sinh năm 1977, địa chỉ: 64/16 khu phố T, phường V, thị xã T, tỉnh Bình Dương, là đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 08 - 8/ 2017 ngày 08/8/2017.

- ***Người kháng cáo***: Công ty TNHH Quốc tế X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện ngày 05/01/2015, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - bà Dương Trịnh Thụy N và người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Hữu A trình bày:

Vào ngày 23/3/2014, bà Dương Trịnh Thụy N (bên A) đã cho Công ty TNHH Quốc tế X (bên B) vay 1.000.000.000đồng, thời hạn vay tính từ ngày bà N chuyển tiền, thời điểm kết thúc là 31/12/2014. Tiền gốc và tiền lãi được trả cùng một lúc. Nếu quá hạn trả nợ nêu trên mà Công ty TNHH Quốc tế X (sau đây viết tắt là Công ty X) không trả thì Công ty X còn phải tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn và theo Điều 4 của Hợp đồng vay ngày 23/3/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng, phía bà N đã giao và Công ty X đã nhận số tiền 1.000.000.000đồng. Vào ngày 17/9/2014, bà N do cần tiền kinh doanh nên Công ty X đã trả cho bà N 300.000.000đồng, còn nợ 700.000.000đồng. Quá hạn thanh toán nợ nhưng phía Công ty X không trả tiền gốc và lãi nên bà N khởi kiện yêu cầu Công ty X trả tiền gốc là 700.000.000đồng và tiền lãi trên số nợ gốc 1.000.000.000đồng tính từ ngày 23/3/2014 đến 16/9/2014 tạm tính là 48.125.000đồng (5,5 tháng x lãi suất 10,5%). Tiền lãi của số nợ gốc

700.000.000đồng tính từ ngày 17/9/2014 đến ngày làm đơn là 21.437.500 đồng (3,5 tháng x lãi suất 10,5 %).

Bà N yêu cầu Công ty X trả cho bà N tổng cộng tiền gốc, lãi là: 700.000.000đồng + 48.125.000đồng + 21.437.500đồng = 769.562.500đồng, và trả bằng tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà N chỉ đồng ý trả bằng tiền, không đồng ý trả bằng việc chuyển nhượng cổ phần vì thực tế Công ty X không có cổ phần trong Công ty Cổ phần D, các cổ đông chưa hoàn tất việc góp vốn.

Bị đơn - Công ty X có ông Nguyễn Duy A là đại diện hợp pháp trình bày:

Công ty X xác nhận ngày 23/3/2014 có vay của bà N số tiền 1.000.000.000đồng và thời điểm kết thúc khoản vay là ngày 31/12/2014. Ngày 17/9/2014, Công ty X đã trả cho bà N 300.000.000đồng.

Theo Hợp đồng vay thì Công ty X và bà N cũng đã thỏa thuận sử dụng 250.000 cổ phần trị giá 2.500.000.000đồng tại Công ty Cổ phần D làm tài sản thế chấp cho khoản vay trên.

Nay Công ty X xác nhận còn nợ bà N số tiền 700.000.000đồng và đồng ý trả số nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà N. Tuy nhiên, căn cứ Điều 4 của Hợp đồng vay giữa hai bên, Công ty X đồng ý chuyển nhượng số cổ phần tại Công ty Cổ phần D tương ứng với số tiền còn nợ cho bà N.

Công ty X cho rằng cổ phần của Công ty X tại Công ty Cổ phần D đảm bảo cho khoản vay theo Điều 4 tại thời điểm vay là có thật. Do đó, không đồng ý với yêu cầu trả tiền mặt của nguyên đơn mà chỉ đồng ý chuyển nhượng cổ phần theo như giao kết của hai bên trong hợp đồng.

Công ty X xác nhận đã hoàn tất việc góp vốn theo tiến độ thỏa thuận thể hiện tại trong báo cáo tài chính. Công ty Cổ phần D chưa cấp giấy chứng nhận hoàn tất vốn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan - Công ty Cổ phần D có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Duy A trình bày:

Công ty Cổ phần D xác nhận có đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000đồng của Công ty X đối với bà N bằng số cổ phần của Công ty X tại Công ty D. Nay Công ty D đồng ý chuyển nhượng số cổ phần tương ứng với số nợ còn thiếu của Công ty X cho bà N.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH MTV Thiết kế B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Duy A trình bày:

Công ty TNHH MTV Thiết kế B là một trong những cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần D. Công ty B xác nhận đã hoàn tất việc góp vốn trong năm 2014 và được thể hiện trong báo cáo tài chính năm nhưng Công ty Cổ phần D chưa cấp giấy chứng nhận góp vốn.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả tiền mặt, mà tuyên bố áp dụng thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay là trả bằng số cổ phần của Công ty X tại Công ty Cổ phần D. Mọi thỏa thuận hợp pháp phải được tôn trọng và áp dụng nghiêm túc.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ - Sản Xuất –Xây Dựng Trang trí nội thất L (sau đây viết tắt là Công ty L) có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Hữu A trình bày:

Từ khi thành lập Công ty Cổ phần D cho đến 17/9/2014, Công ty L chỉ mới đóng góp 2.000.000.000đồng tương đương 200.000 cổ phần trong tổng số cổ phần đăng ký mua 500.000 cổ phần. Cũng trong ngày 17/9/2014, Công ty L cũng chuyển nhượng 200.000 cổ phần phổ thông trong Công ty Cổ phần D cho người mua là ông Nguyễn Thái Dương, là người đại diện pháp luật cho Công ty X.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Công ty L không có thỏa thuận và không ký trong Hợp đồng vay ngày 23/3/2014 do cá nhân bà N cho vay.

Tại Bản án số 1710/2017/KDTM-ST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH Quốc tế X trả cho bà Dương Trịnh Thụy N số tiền nợ gốc 700.000.000đồng và tiền lãi là 69.562.500đồng của Hợp đồng vay ngày 23/3/2014 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Dương Trịnh Thụy N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Quốc tế X chưa trả khoản tiền nói trên, thì Công ty TNHH Quốc tế X còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2017, Công ty X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn - Công ty X có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Duy A trình bày:

Công ty X thừa nhận đã ký kết Hợp đồng vay tài sản ngày 23/3/2014 và xác nhận còn nợ nguyên đơn - bà Dương Trịnh Thụy N số nợ gốc và lãi như quyết định của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, phía Công ty X kháng cáo yêu cầu được thanh toán số nợ nêu trên cho bà N tương ứng bằng số cổ phần của Công ty X trong Công ty Cổ phần D như thỏa thuận của các bên tại Điều 4 của Hợp đồng vay tài sản, bởi:

Công ty TNHH D được thành lập ngày 06/12/2010.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 3 của Công ty TNHH D có thể hiện Công ty X là một trong những thành viên sáng lập, với tỷ lệ vốn góp 25%, trong số vốn điều lệ đăng ký thời điểm đó là 1.000.000.000đồng.

Ngày 16/01/2014, Công ty TNHH D chuyển đổi thành Công ty Cổ phần D, vốn điều lệ tăng từ 1.000.000.000đồng lên 10.000.000.000đồng , gồm 03 cổ đông sáng lập là Công ty X với vốn góp 25%, tương ứng 250.000 cổ phần, tương đương 2.500.000.000đồng, Công ty B có vốn góp 25% và Công ty L có vốn góp 50%.

Công ty X thừa nhận tại văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 24/3/2014, các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần D mới quy định tỷ lệ góp vốn và cam kết lịch trình hoàn tất việc góp vốn đến 15/12/2015. Vì vậy, thỏa thuận góp vốn của các cổ đông trong đó có Công ty X là sau thời điểm Công ty X và bà N xác lập Hợp đồng vay ngày 23/3/2014. Số tiền mà Công ty X vay của bà N ngày 23/3/2014 nêu trên nhằm mục đích là để góp vốn vào Công ty Cổ phần D.

Việc Công ty Cổ phần D chưa cấp giấy chứng nhận cổ phần cho Công ty X, việc Công ty X ký hợp đồng vay tài sản có thế chấp cổ phần nêu trên trước thời điểm các cổ đông thỏa thuận góp vốn và việc thế chấp số cổ phần này chưa có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông chỉ là chưa thực hiện đầy đủ về phần thủ tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, căn cứ vào báo cáo tài chính và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần D ngày 16/01/2014 thể hiện các cổ đông của Công ty Cổ phần D đã góp đủ số vốn 10.000.000.000đồng, điều này cũng đồng nghĩa với việc Công ty X đã góp đủ và có thật 250.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần D.

Do vậy, Công ty X đề nghị được thanh toán số nợ gốc và lãi cho bà N bằng phương thức chuyển nhượng số cổ phần của Công ty X trong Công ty Cổ phần D cho bà N tương ứng với số nợ.

Nguyên đơn - bà Dương Trịnh Thụy N có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Hữu A trình bày:

Phía bà Dương Trịnh Thụy N không chấp nhận ý kiến của Công ty X, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan - Công ty Cổ phần D có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Duy A trình bày:

Công ty Cổ phần D thừa nhận theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần D ngày 17/9/2014 thì Công ty L đã chuyển nhượng số cổ phần của Công ty L cho đại diện của Công ty X nhưng Công ty Cổ phần D vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi cổ đông sáng lập đối với số cổ phần của Công ty L.

Công ty Cổ phần D đồng ý chuyển nhượng số cổ phần của Công ty X cho bà N tương ứng với số nợ mà Công ty X phải trả cho bà N.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – Công ty B có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Duy A trình bày:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thỏa thuận của các bên theo hợp đồng.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – Công ty L có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Hữu A trình bày:

Mặc dù, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vẫn thể hiện Công ty L là một trong những cổ đông sáng lập nhưng thực tế đến nay Công ty L không còn cổ phần tại Công ty Cổ phần D. Công ty L không có ký kết trong hợp đồng vay giữa Công ty X và bà N. Do vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình từ thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng; đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ và trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung: Xét thấy, tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công ty Cổ phần D ngày 16/01/2014 có 03 cổ đông sáng lập là Công ty B với số cổ phần là 250.000 tương đương 2.500.000.000đồng; Công ty X có số cổ phần tương đương 2.500.000.000đồng và Công ty L có số cổ phần 500.000 tương đương 5.000.000.000 đồng. Căn cứ Biên bản thỏa thuận góp vốn của các cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần D ngày 24/3/2014 thì lộ trình cam kết góp vốn của các cổ đông hoàn tất trước ngày 15/12/2015. Như vậy, thời điểm hai bên thỏa thuận tài sản đảm bảo cho khoản vay là số cổ phần mà Công ty X sở hữu tại Công ty Cổ phần D là không có thật tại thời điểm thỏa thuận vay. Mặt khác, Công ty X xác định đã góp đủ số cổ phần đăng ký mua nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận hoàn tất vốn góp và sở hữu cổ phần. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của Công ty X không có cơ sở để được chấp nhận.

Về yêu cầu tiền lãi của bà N là phù hợp với thỏa thuận của các bên theo hợp đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty X, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - Công ty X, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Công ty X đã vay của bà Dương Trịnh Thụy N 1.000.000.000đồng theo Hợp đồng vay tài sản ngày 23/3/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty X đã thanh toán được 300.000.000đồng, còn nợ 700.000.000đồng. Do Công ty X vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà Dương Trịnh Thụy N khởi kiện.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà Dương Trịnh Thụy N, buộc Công ty X trả cho bà N số nợ gốc là 700.000.000đồng và số tiền nợ lãi là 69.562.5000đồng.

Công ty X kháng cáo yêu cầu được trả số nợ nêu trên cho bà Dương Trịnh Thụy N bằng phương thức chuyển nhượng cổ phần của Công ty X tại Công ty Cổ phần D tương ứng với số nợ của bà N theo thỏa thuận của các bên tại Điều 4 Hợp đồng vay tài sản ngày 23/4/2014.

Theo Điều 4 của Hợp đồng vay ngày 23/4/2014, các bên có thỏa thuận: Nếu đến hạn hoàn trả số tiền vay mà Công ty X không thực hiện đúng và đủ theo hợp đồng thì Công ty X phải chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty X tại Công ty Cổ phần D cho bà N…

Xét thấy, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty Cổ phần D thể hiện Công ty Cổ phần D được chuyển đổi từ Công ty TNHH D theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 16/01/2014, vốn điều lệ 1.000.000.000đồng từ công ty Trách nhiệm hữu hạn tăng lên 10.000.000.000đồng khi chuyển thành công ty Cổ phần, gồm ba cổ đông sáng lập là Công ty B với vốn góp 25% tương ứng 250.000 cổ phần, giá trị cổ phần là 2.500.000.000đồng; Công ty X với vốn góp 25% tương ứng 250.000 cổ phần, giá trị cổ phần là 2.500.000.000đồng và Công ty L với vốn góp 50% tương ứng 500.000 cổ phần, giá trị cổ phần 5.000.000.000đồng.

Xét thấy, theo phía Công ty X khai rằng đã góp đủ số vốn đã đăng ký tương ứng số cổ phần được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng theo các cổ đông còn lại như Công ty L thì khai rằng Công ty L chưa góp đủ số cổ phần như đã đăng ký và số cổ phần đã góp thì Công ty L cũng đã chuyển nhượng cho cá nhân khác nhưng Công ty Cổ phần D chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cổ phần và cũng chưa cấp giấy chứng nhận đăng ký cho các cổ đông theo quy định tại Điều 80, Điều 84 của Luật Doanh nghiệp năm 2005.

Phần khác, theo văn bản thỏa thuận góp vốn ngày 24/3/2014 thể hiện các cổ đông của Công ty Cổ phần D, trong có Công ty X thỏa thuận cam kết góp vốn

tương ứng cổ phần của từng cổ đông theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và sẽ hoàn tất việc góp vốn đến năm 2015, tức là thời điểm các cổ đông thỏa thuận góp vốn vào ngày 24/3/2014 là sau thời điểm mà bà N và Công ty X ký hợp đồng vay tài sản (ngày 23/3/2014) và thế chấp số cổ phần để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng vay là không phù hợp quy định về tài sản thế chấp quy định tại Điều 320, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Phần khác nữa, theo số liệu vốn góp của các cổ đông trong báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần D do Công ty X cung cấp là 10.000.000.000đồng cũng thể hiện không khớp với số tiền tương ứng số cổ phần của từng cổ đông đã đăng ký theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp như đã phân tích nêu trên.

Vì vậy, xét thấy việc Công ty X nêu rằng căn cứ vào số cổ phần của Công ty X được ghi nhận trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và trong báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần D năm 2014 để xác định 250.000 cổ phần của Công ty X trong Công ty Cổ phần D là chưa đủ căn cứ pháp lý.

Hơn nữa, phía nguyên đơn cũng không yêu cầu xử lý đối với phần tài sản thế chấp trong trường hợp đến hạn thanh toán mà Công ty X không thanh toán đủ số nợ.

Do vậy, xét thấy ý kiến kháng cáo của bị đơn - Công ty X yêu cầu được chuyển nhượng số cổ phần của Công ty X trong Công ty Cổ phần D tương ứng số nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở để được chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của bà N buộc Công ty X trả số nợ gốc, số nợ lãi và không chấp nhận ý kiến của phía Công ty X yêu cầu thanh toán số nợ bằng việc chuyển nhượng cổ phần là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm như yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty X chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 của Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty X là người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 320, Điều 342, Điều 471, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 80, Điều 84, Điều 306 của Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Điều 26 của của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Giữ nguyên bản nguyên bản án sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH Quốc tế X phải trả cho bà Dương Trịnh Thụy N số tiền nợ là 769.562.500đồng (bao gồm: 700.000.000đồng nợ gốc và 69.562.500đồng tiền lãi) theo Hợp đồng vay ngày 23/3/2014.

Kể từ ngày bà Dương Trịnh Thụy N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH Quốc tế X chưa thi hành xong số tiền phải thi hành nêu trên, thì Công ty TNHH Quốc tế X còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH Quốc tế X phải chịu 34.782.500đồng án phí sơ thẩm.

Bà Dương Trịnh Thụy N không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.391.250đồng theo biên lai số 06321 ngày 03/02/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty TNHH Quốc tế X phải chịu án phí phúc thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0019998 ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (18).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phong